

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 713 /UBND- NLN

Sơn Dương, ngày 17 tháng 4 năm 2019

V/v đơn đốc thực hiện công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm vụ Xuân - Hè năm 2019.

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện;
- Trạm Khuyến nông huyện;
- Thành viên UBND huyện phụ trách xã, thị trấn;
- BCĐ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 06/3/2019 của UBND huyện về Kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè năm 2019 trên địa bàn huyện; theo báo cáo của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, trạm Chăn nuôi và Thú y huyện đến ngày 10/4/2019, tiến độ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ thấp, cụ thể: Đàn trâu tiêm vắc xin LMLM đạt 13,1 %, THT đạt 0,9 %; Đàn bò tiêm vắc xin LMLM đạt 10,7 %, THT đạt 0,6 %; Đàn lợn tiêm vắc xin LMLM đạt 49,9 %, THT đạt 30,9 %, Dịch tả đạt 45,9 %; Đàn gia cầm, thủy cầm tiêm vắc xin Niucatson đạt 20,4 %, THT đạt 14,21 %; Đàn dê tiêm vắc xin đạt 0,9 %.

Để thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè năm 2019 đạt hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra,

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và giao trách nhiệm:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tăng cường tuyên truyền Luật Thú y và các Kế hoạch của UBND huyện: số 85/KH-UBND ngày 6/3/2019 về Kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè năm 2019: số 113/KH-UBND ngày 28/3/2019 về phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người chăn nuôi hiểu rõ về trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc tiêm phòng cho động vật.

- Chỉ đạo thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm xã tuyên truyền hội viên, đoàn viên chấp hành nghiêm việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức tiêm phòng tại cơ sở; tham mưu đề xuất các giải pháp về tổ chức thực hiện, kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc tổ chức thực hiện việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn phụ trách.

- Tổ chức triển khai, thực hiện quyết liệt trong công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm trên địa bàn đảm bảo đạt tỷ lệ theo kế hoạch. Đưa chỉ tiêu, kết quả

tiêm phòng gia súc, gia cầm để đánh giá hàng năm đối với cán bộ công chức và các tổ chức đoàn thể tại cơ sở.

- Yêu cầu chủ vật nuôi chấp hành tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định; nếu không chấp hành việc tiêm phòng và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho vật nuôi theo quy định, sẽ không hưởng hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có dịch bệnh và thiên tai xảy ra.

- Xử lý nghiêm, triệt để những hành vi vi phạm Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Chỉ đạo Nhân viên chăn nuôi và thú y xã cập nhật, tổng hợp số liệu nguồn vắc xin người dân tự tiêm phòng trên địa bàn quản lý.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tiến độ 10 ngày một lần về UBND huyện (*qua trạm Chăn nuôi và Thú y huyện*) tổng hợp theo quy định.

- Kết thúc vụ tiêm phòng tổng hợp kết quả tiêm phòng, lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán số lượng vắc xin được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện

- Chuẩn bị đầy đủ các loại vắc xin để cung ứng cho các xã, thị trấn đảm bảo kịp thời cho công tác tiêm phòng. Phân công cán bộ phụ trách địa bàn trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng đảm bảo đạt tỷ lệ theo kế hoạch.

- Phối hợp, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Định kỳ 10 ngày/lần báo cáo bằng văn bản về UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện*), đánh giá cụ thể công tác triển khai tiêm phòng tại các xã, thị trấn, những vướng mắc tại cơ sở; chủ động đề xuất tham mưu cho UBND huyện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra.

- Kết thúc vụ tiêm phòng hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, thị trấn lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán số lượng vắc xin được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định.

3. Trạm Khuyến nông huyện chỉ đạo cán bộ Khuyến nông phụ trách địa bàn phối hợp với trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân - Hè năm 2019 đạt hiệu quả.

4. Thành viên UBND huyện phụ trách xã, thị trấn căn cứ địa bàn được phân công phụ trách, tăng cường kiểm tra, đôn đốc UBND xã, thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm tại cơ sở; phối

hợp với UBND các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung công việc trong Kế hoạch tiêm phòng năm 2019. Báo cáo tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc tại cơ sở được giao phụ trách về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện) tổng hợp theo quy định.

5. Thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm huyện (được kiện toàn tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của UBND huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện) thực hiện các nội dung công việc được giao tại Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 6/3/2019 của UBND huyện, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

6. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè trên địa bàn huyện; phối hợp trạm Chăn nuôi và Thú y tham mưu UBND huyện các giải pháp lãnh, chỉ đạo công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra. Tổng hợp, báo cáo UBND huyện theo quy định.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: ✕

- TTr Huyện uỷ, TTrHĐND huyện (B/cáo);
- Chủ tịch UBND huyện;
- PCT UBND huyện Hà Quang Chúc;
- Chánh, Phó VP UBND huyện;
- Như kính gửi (Thực hiện);
- Chuyên viên TH NLN;
- Lưu: Đann (13b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Quang Chúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ TIÊM PHÒNG VỤ XUÂN HÈ NĂM 2019

Thời điểm đến ngày 10 tháng 4 năm 2019

Biểu số:

TT	Tên xã	Kế hoạch tiêm							Kết quả thực hiện																Newcatson gia cầm		Dịch tả lợn	
		Đàn trâu (con)	Đàn bò (con)	Đàn lợn (con)	Trong đó: Lợn nái và lợn đực giống	Đàn dê (con)	Đàn gia cầm, thủy cầm (con)	LMLM				Tự huyết trùng (liều)								T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH					
								Trâu		Bò		Lợn		Dê		Trâu		Bò						Lợn		THT gia cầm		
T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH					
Tổng số		14.250	9.120	97.730	11.910	7.260	882.330	1.867	13,1	976	10,7	48.804	49,9	62	0,9	125	0,9	59	0,6	30.171	30,9	125.383	14,21	180.414	20,4	44.886	45,9	
1	Tân Trào	364	379	1.956	172	242	22.830	0	0,0	0	0,0	150	7,7	-	-	0	-	0	0,0	134	6,9	1.193	5,2	1.762	7,7	475	24,3	
2	Trung Yên	430	322	738	102	810	14.706	28	6,5	21	6,5	175	23,7	-	-	0	-	0	0,0	121	16,4	714	4,9	1.156	7,9	342	46,4	
3	Minh Thanh	380	293	1.755	98	362	24.034	0	0,0	0	0,0	15	0,9	-	-	0	-	0	0,0	47	2,7	1.202	5,0	2.411	10,0	190	10,8	
4	Bình Yên	351	110	982	168	176	12.453	50	14,2	25	22,8	227	23,1	-	-	0	-	0	0,0	175	17,8	636	5,1	1.095	8,8	312	31,8	
5	Lương Thiện	485	162	840	113	266	8.032	0	0,0	0	0,0	20	2,4	-	-	0	-	0	0,0	55	6,5	275	3,4	688	8,6	146	17,4	
6	Tú Thịnh	202	286	2.019	66	233	21.278	0	0,0	0	0,0	1.501	74,3	-	-	0	-	0	0,0	992	49,1	8.110	38,1	11.710	55,0	1.435	71,1	
7	Hợp Thành	270	312	3.206	167	80	55.200	0	0,0	0	0,0	2.786	86,9	-	-	0	-	0	0,0	1.859	58,0	10.053	18,2	12.038	21,8	2.589	80,8	
8	TT SD	230	78	1.442	143	196	23.223	48	20,8	21	26,8	505	35,0	-	-	26	11,3	20	25,5	259	18,0	2.148	9,2	3.775	16,3	408	28,3	
9	Phúc ứng	721	185	2.487	160	247	30.950	67	9,3	35	18,9	1.094	44,0	-	-	0	-	0	0,0	1.104	44,4	5.462	17,6	7.877	25,5	1.229	49,4	
10	Thượng âm	150	321	338	40	16	19.165	20	13,3	0	0	58	17,2	-	-	0	-	0	0,0	201	59,5	5.364	28,0	7.095	37,0	158	46,8	
11	Kháng Nhật	123	218	4.233	738	258	9.683	0	0,0	0	0,0	4.354	102,9	-	-	0	-	0	0,0	2.310	54,6	983	10,2	1.685	17,4	3.004	71,0	
12	Hợp Hoà	837	268	5.524	520	140	48.385	464	55,4	184	68,7	3.765	68,2	62	44,3	0	-	0	0,0	2.070	37,5	9.144	18,9	12.751	26,4	2.798	50,7	
13	Thiện Kế	645	129	5.362	616	164	19.475	164	25,4	51	39,6	1.397	26,1	-	-	0	-	0	0,0	1.721	32,1	3.601	18,5	4.557	23,4	2.423	45,2	
14	Ninh Lai	781	319	7.726	845	156	14.975	67	8,6	36	11,3	2.681	34,7	-	-	0	-	0	0,0	2.382	30,8	4.710	31,5	6.759	45,1	3.300	42,7	
15	Tuân Lô	353	162	2.266	136	197	19.868	26	7,4	68	41,9	1.458	64,4	-	-	0	-	0	0,0	1.044	46,1	3.705	18,6	6.970	35,1	1.288	56,9	
16	Thanh Phát	302	46	1.085	85	474	11.036	88	29,2	0	0,0	126	11,6	-	-	0	-	0	0	391	36,0	788	7,1	902	8,2	329	30,3	
17	Sơn Nam	742	410	11.134	2.154	109	60.168	120	16	41	10,0	9.300	83,5	-	-	0	-	0	0,0	2.354	21,1	8.565	14,2	12.358	20,5	6.117	54,9	
18	Đại Phú	1.000	382	4.917	524	624	44.990	62	6,2	38	9,9	4.000	81,4	-	-	0	-	0	0,0	1.283	26,1	4.650	10,3	7.590	16,9	1.828	37,2	

TT	Tên xã	Kế hoạch tiềm						Kết quả thực hiện																			
		Đàn trâu (con)	Đàn bò (con)	Đàn lợn (con)	Trong đó: Lợn nái và lợn đực giống	Đàn dê (con)	Đàn gia cầm, thủy cầm (con)	LMLM								Tự huyết trùng (liều)								Newcatson gia cầm		Dịch tả lợn	
								Trâu		Bò		Lợn		Dê		Trâu		Bò		Lợn		THT gia cầm		T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH
								T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH				
19	Phù Lương	671	402	5.520	408	533	33.728	0	0,0	0	0,0	1.536	27,8	-	-	0	-	0	0,0	1.385	25,1	5.992	17,8	9.453	28,0	1.977	35,8
20	Tam Đa	650	470	5.183	664	321	75.294	243	37,4	128	27,2	8.000	154,3	-	-	0	-	0	0,0	2.920	56,3	16.203	21,5	21.469	28,5	3.246	62,6
21	Hào Phú	416	431	2.703	527	76	39.605	176	42,3	218	50,6	866	32,0	-	-	0	-	0	0,0	657	24,3	6.058	15,3	6.394	16,1	1.089	40,3
22	Lâm Xuyên	222	374	1.786	243	24	13.955	20	9,0	10	2,7	2.000	112,0	-	-	0	-	0	0,0	486	27,2	4.866	34,9	5.752	41,2	962	53,9
23	Đông Lợi	467	464	2.156	304	556	32.042	0	0,0	0	0,0	192	8,9	-	-	0	-	0	0,0	418	19,4	2.738	8,5	5.371	16,8	521	24,2
24	Sầm Dương	242	178	1.299	196	14	13.810	101	41,7	51	28,6	750	57,7	-	-	40	16,5	8	4,5	357	27,5	2.418	17,5	2.349	17,0	663	51
25	Hồng Lạc	364	177	2.492	431	9	23.283	40	11,0	26	14,7	164	6,6	-	-	38	10,4	19	10,7	272	10,9	1.502	6,5	2.232	9,6	487	19,5
26	Vân Sơn	178	202	1.626	86	-	12.702	0	0,0	0	0,0	161	9,9	-	-	0	-	0	0,0	248	15,3	1.141	9,0	2.216	17,4	353	21,7
27	Vân Phú	336	399	1.693	297	167	23.560	0	0,0	0	0,0	185	10,9	-	-	0	-	0	0,0	243	14,4	1.976	8,4	4.003	17,0	373	22,0
28	Đông Quý	245	181	914	200	160	15.215	0	0,0	0	0,0	45	4,9	-	-	0	-	0	0	118	12,9	262	1,7	1.094	7,2	154	16,8
29	Quyết Thắng	309	62	2.282	252	40	22.307	0	0,0	0	0,0	276	12,1	-	-	0	-	0	0,0	1.077	47,2	913	4,1	1.691	7,6	1.280	56,1
30	Chi Thiết	286	367	2.434	349	43	23.432	0	0,0	0	0,0	182	7,5	-	-	0	-	0	0,0	689	28,3	1.345	5,7	2.605	11,1	932	38,3
31	Đông Thọ	920	293	3.765	58	285	23.773	15	1,6	5	1,7	672	17,8	-	-	0	-	0	0,0	1.445	38,4	3.728	15,7	5.535	23,3	1.806	48,0
32	Cấp Tiên	247	474	2.610	427	106	26.792	48	19,4	18	3,8	67	2,6	-	-	21	8,5	12	2,5	641	24,6	2.070	7,7	2.776	10,4	1.195	45,8
33	Vĩnh Lợi	330	262	3.260	621	176	42.381	20	6,1	0	0,0	96	2,9	-	-	0	-	0	0,0	713	21,9	2.868	6,8	4.295	10,1	1.477	45,3